

Tờ Dữ Liệu Kỹ Thuật (ISO)

ABS(Acrylonitrile Butadiene Styrene)

ABS 750SW

Đặc điểm	Siêu trắng, dòng chảy tốt, độ bền va đập trung bình
Ứng dụng	Điện tử, Đồ gia dụng, Nhiều hàng hóa khác

Đặc tính vật lý	Phương pháp thí nghiệm	Giá trị
Trọng lượng riêng	ISO 1183	1.04
Chỉ số chảy (220 °C, 10kg)	ISO 1133	38 g/10 phút
Độ hấp thụ nước	ISO 62	- %
Độ co khuôn đúc	ISO 294-4	0.5 ~ 0.8 %

Đặc tính cơ học	Phương pháp thí nghiệm	Giá trị
Cường độ chịu kéo (tại điểm uốn)	ISO 527	46 Mpa
Độ giãn dài (tại điểm đứt)	ISO 527	20 %
Cường độ chịu uốn	ISO 178	73 MPa
Mô-đun uốn	ISO 178	2,500 Mpa
Độ bền va đập theo Izod (23°C)	ISO 180/1A	21 KJ/m ²
Độ bền va đập Charpy (23°C)	ISO 179/1eA	22 KJ/m ²
Độ cứng Rockwell (Thang R)	ISO 2039-2	109

Đặc tính nhiệt	Phương pháp thí nghiệm	Giá trị
Nhiệt độ biến dạng nhiệt (1.8Mpa, Không tải)	ISO 75-2	80 °C
Nhiệt độ biến dạng nhiệt (0.45Mpa, Không tải)	ISO 75-2	91 °C
Nhiệt độ hóa mềm Vicat (B50)	ISO 306	95 °C

Tính bắt cháy	Phương pháp thí nghiệm	Giá trị
Loại ngọn lửa - UL (1.6mm)	UL 94	HB

Ghi chú

Trên đây chỉ là những đặc tính điển hình, không phải yêu cầu kỹ thuật. Người dùng cần xác nhận kết quả bằng cách tự kiểm tra.